

Điều 2. — Chia các xóm còn lại của xã Đoài-duong, huyện Trùng-khánh thành ba xã và lấy tên là :

— Xã Thông-huê gồm các xóm : Bàn-cuôm, Năm-dọi, Cóc-rày, Bàn-khuông, Bó-lạ, Cóc-chia, Nà-thình, Sóc-riêng, Nà-ít, Nà-kèo, Phơ-nim, Thuơ-phia, Năm-thúm.

— Xã Đoài-côn gồm các xóm : Lũng-luong, Lũng-lô, Nà-quang, Phô-gài, Sóc-oắc, Bàn-lung, Tạp-ná, Pác-rà, Vai-noa, Pác-thán, Lung-ri.

— Xã Thân-giáp gồm các xóm : Ngườm-sang, Nà-noa, Thuơ-khuông, Nà-choát, Thông-lộc, Lũng-lếch, Lũng-lắc, Bàn-mang, Luộc-tấu, Phô-cháng, Sóc-chăng, Bàn-coông, Nà-rần, Phai-nhàn, Đông-chu, Khim-khát, Đông-nguyên.

Điều 3. — Ủy ban hành chính tỉnh Cao-bằng và ông Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương, Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 20 tháng 10 năm 1964.

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thứ trưởng

LÊ TẮT ĐẮC

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

THÔNG TƯ số 856 - TKTH ngày 22-10-1964 hướng dẫn thi hành quyết định số 112-CP ngày 22-7-1964 của Hội đồng Chính phủ về việc xét duyệt, công nhận và công bố hoàn thành kế hoạch ở các đơn vị cơ sở.

Đề thi hành quyết định số 112-CP ngày 22-7-1964 của Hội đồng Chính phủ và thông tư số 71-TTg cùng ngày của Thủ tướng Chính phủ, Tổng cục Thống kê hướng dẫn và giải thích rõ thêm một số điểm cụ thể về việc xét duyệt, công nhận và công bố hoàn thành kế hoạch ở các đơn vị cơ sở như sau :

VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CÁC CHỈ TIÊU

Điều 4, phần II trong thông tư số 71-TTg ngày 22-7-1964 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định : "... Các chỉ tiêu đã được quy định đều phải thống nhất về nội dung, thời gian và

phương pháp tính toán trong chế độ báo cáo thống kê và chế độ kế toán của Nhà nước ».

Nay giải thích cụ thể như sau :

1. Các chỉ tiêu xét duyệt, công nhận hoàn thành kế hoạch nói chung về nội dung và phương pháp tính toán đều theo phương pháp của chế độ báo cáo thống kê do Tổng cục Thống kê đã ban hành. Tuy vậy, trong năm 1964 ở một số ngành có một số chỉ tiêu về nội dung và phương pháp tính toán chưa thống nhất được giữa cơ quan thống kê và cơ quan kế hoạch. Đối các chỉ tiêu này, các đơn vị một mặt phải tính theo nội dung và phương pháp đã quy định trong chế độ báo cáo thống kê, một mặt được tính theo nội dung và phương pháp khi lập kế hoạch, để so sánh và xác định tỷ lệ hoàn thành kế hoạch.

Gặp trường hợp này, các đơn vị cần ghi rõ trong báo cáo để tiện cho việc kiểm tra và xét duyệt của cấp trên.

2. Riêng các chỉ tiêu về giá thành toàn bộ, phí lưu thông, nộp tích lũy và các khoản phải nộp khác, về nội dung và phương pháp tính theo phương pháp của chế độ kế toán do Bộ Tài chính đã ban hành.

Để đảm bảo xét duyệt kịp thời chỉ tiêu giá thành và phí lưu thông, thì việc tính toán hai chỉ tiêu này được dựa vào số liệu chính thức của 11 tháng đầu năm và ước tính tháng 12. Thủ trưởng đơn vị báo cáo phải chịu trách nhiệm trước Bộ chủ quản về những số liệu chính thức và ước tính này.

Về nộp tích lũy và các khoản phải nộp khác, không những phải hoàn thành kế hoạch đã quy định mà còn phải nộp đúng thời hạn, đúng chính sách, kỷ luật giao nộp, không được lấy tiền vốn hoặc các loại quỹ khác nộp thay.

Riêng về nộp khấu hao cơ bản, thì căn cứ theo tỷ lệ trích khấu hao đối với tài sản cố định thực có (trong trường hợp tài sản cố định tăng hoặc giảm không đúng như kế hoạch đã quy định).

3. Việc xác định hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch tính theo tỷ lệ phần trăm (%). Những chỉ tiêu nào so với kế hoạch đạt 100% là hoàn thành kế hoạch, trên 100% là hoàn thành vượt mức kế hoạch.

II. KẾ HOẠCH LÀM CĂN CỨ ĐỀ XÉT DUYỆT

Điều 1 và 2, phần II trong thông tư số 71-TTg ngày 22-7-1964 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định, nay giải thích rõ thêm như sau :

trường hợp một số sản phẩm ghi trong kế hoạch Nhà nước hoặc kế hoạch của địa phương mà chỉ có một đơn vị sản xuất thì mức hoàn thành kế hoạch về sản phẩm ấy của đơn vị sản xuất không được thấp hơn chỉ tiêu về sản phẩm ấy của kế hoạch Nhà nước (nếu đơn vị ấy thuộc Bộ và cơ quan trung ương quản lý) hoặc không được thấp hơn kế hoạch của Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố (nếu đơn vị ấy thuộc các địa phương quản lý).

III. GIẢI THÍCH MỘT SỐ ĐIỂM CỤ THỂ VỀ CÁC CHỈ TIÊU XÉT DUYỆT HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH

A. Đối với xí nghiệp công nghiệp

1. Chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng và giá trị sản lượng thương phẩm.

Đây là hai phần trong một chỉ tiêu, cả hai phần đều hoàn thành kế hoạch mới được coi là hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu này.

2. Chỉ tiêu sản phẩm chủ yếu.

Chỉ tiêu này được công nhận là hoàn thành kế hoạch khi tất cả các mặt hàng chủ yếu ghi trong kế hoạch đều phải hoàn thành. Gặp trường hợp hầu hết mặt hàng chủ yếu đều hoàn thành kế hoạch, còn một vài mặt hàng nào đó chỉ đạt xấp xỉ kế hoạch, mà xét thấy không ảnh hưởng nhiều đến các mặt sản xuất, tiêu thụ và các hoạt động của bản thân xí nghiệp và các xí nghiệp bạn có liên quan, thì có thể được công nhận hoàn thành kế hoạch.

Sản phẩm chủ yếu ghi trong kế hoạch phải rõ ràng, cụ thể. Nếu kế hoạch giao cho xí nghiệp chưa ghi rõ sản phẩm chủ yếu thì đơn vị cơ sở phải báo cáo đề cơ quan giao kế hoạch xác định trước khi xét duyệt.

3. Chỉ tiêu năng suất lao động một công nhân viên.

Tính theo công nhân viên sản xuất công nghiệp, không tính nhân viên ngoài sản xuất công nghiệp và nhân viên cấp dưỡng, giữ trẻ.

4. Chỉ tiêu giá thành toàn bộ.

Khi xét duyệt chỉ tiêu này sẽ xét duyệt ba mặt sau :

a) Tỷ lệ hạ giá thành toàn bộ sản phẩm thương phẩm có thể so sánh và không so sánh được, so với kế hoạch;

b) Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch giá thành cho một đơn vị sản phẩm so với kế hoạch (chỉ xét duyệt những mặt hàng nào cơ quan cấp trên có giao kế hoạch);

c) Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch về mức tiết kiệm tuyệt đối.

Nếu một trong ba mặt trên không hoàn thành thì coi như không hoàn thành kế hoạch giá thành toàn bộ.

Trong năm 1964, có xí nghiệp được cơ quan cấp trên điều chỉnh kế hoạch về cơ cấu và sản lượng mặt hàng, nhưng chưa kịp điều chỉnh kế hoạch giá thành, thì khi tính giá thành toàn bộ được tính theo kế hoạch sản lượng đã điều chỉnh để xét duyệt chỉ tiêu này.

5. Chỉ tiêu nộp lãi lũy và các khoản phải nộp khác.

Nội dung của chỉ tiêu này gồm nộp lãi (hoặc kế hoạch bù lỗ) nộp thuế, nộp khấu hao cơ bản, nói chung áp dụng đối với cả xí nghiệp quốc doanh trung ương và xí nghiệp quốc doanh địa phương.

Chú thích: Đối với các xí nghiệp điện trong lưới, các lâm trường khai thác gỗ có hướng dẫn ở bản phụ lục kèm theo thông tư này.

B. Đối với các công trường xây dựng cơ bản.

a) Công trình tự làm và đơn vị kiến thiết (bên A).

1. Tổng mức đầu tư chia theo cấu thành (xây, lắp, thiết bị, kiến thiết cơ bản khác).

Đây là tổng mức đầu tư của toàn bộ công trình. Khi nào cả tổng mức đầu tư và cấu thành về xây và lắp đều hoàn thành kế hoạch mới được xét duyệt hoàn thành kế hoạch về chỉ tiêu này.

2. Chỉ tiêu mức đầu tư các hạng mục công trình chủ yếu (nếu có).

Hạng mục công trình chủ yếu là những hạng mục chính, quan trọng trong một công trình. Đối những công trình trọng điểm của Nhà nước, nếu chưa có quy định chính thức những hạng mục công trình chủ yếu cho từng công trình, thì Bộ chủ quản cần sớm trình Nhà nước quy định.

3. Tiến độ hoàn thành các hạng mục công trình chủ yếu.

Chỉ tiêu này chỉ áp dụng đối với các công trình trọng điểm của trung ương. Tiến độ hoàn thành các hạng mục công trình chủ yếu quy định ở đây là *tiến độ thi công* các hạng mục công trình chủ yếu. Ví dụ: hạng mục công trình chủ yếu A (trong công trường B) theo tổng tiến độ quy định đến hết tháng 12-1964 phải hoàn thành phần xây móng, đến hết tháng 12-1964 đã xây xong móng, như vậy là hoàn thành tiến độ thi công; ngược lại đến hết tháng 12-1964 chưa xây xong móng;

như vậy là không hoàn thành đúng tiến độ quy định.

Toàn bộ một công trình trọng điểm của trung ương có bao nhiêu hạng mục công trình chủ yếu, khi tất cả các hạng mục công trình chủ yếu đó đều hoàn thành tiến độ thi công, mới được công nhận là hoàn thành chỉ tiêu này.

4. Thời gian hoàn thành và thời gian bàn giao cho sản xuất.

Khi những hạng mục công trình, hoặc toàn bộ công trình đã bàn giao cho đơn vị sử dụng đúng thời hạn quy định trong kế hoạch với đầy đủ thủ tục nghiệm thu sử dụng của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước, thì mới được coi là hoàn thành chỉ tiêu này.

b) Các công ty, công trình nhận thầu (bên B).

1. Giá trị khối lượng thi công xong theo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định.

Đây là giá trị thành phẩm trung gian mới thi công xong đến thứ tự công việc nhất định, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và phải được bên A xác nhận bằng văn bản đề thanh toán tiền. Giá trị khối lượng thi công xong không phải là giá trị sản phẩm kiến trúc, cũng không phải là giá trị hạng mục công trình, hoặc giá trị toàn bộ công trình nói chung.

Không được tính giá trị của khối lượng thi công xong ngoài kế hoạch; giá trị của khối lượng thi công xong nhưng chưa đủ tiêu chuẩn chất lượng, hoặc chưa được văn bản của bên A xác nhận thanh toán tiền cũng không được tính.

Giá trị khối lượng thi công xong tính theo giá dự toán. Nếu không có giá dự toán thì tính theo giá do hai bên A và B tạm thời thống nhất được cơ quan duyệt giá thông qua.

2. Hạng mục công trình hoàn thành và bàn giao đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

Đây là hạng mục công trình của bên B giao cho bên A đã hoàn thành và bàn giao theo đúng thủ tục nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu cơ sở.

Trường hợp các hạng mục công trình quy định trong hợp đồng không bàn giao hết, nhưng lại bàn giao một số hạng mục công trình khác ngoài hợp đồng, vẫn không được công nhận là hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu này.

3. Năng suất lao động một công nhân viên.

Chỉ tính năng suất lao động cho một công nhân viên trong xây lắp (không tính công nhân viên ngoài xây lắp và những người làm công tác phục vụ như cấp dưỡng, giữ trẻ, phục vụ nhà ở công cộng; giáo viên văn hóa...)

Về nội dung và phương pháp thì tính toán đúng phương pháp do Tổng cục Thống kê đã ban hành (quyết định số 111-TCTK-CB ngày 25-5-1964 của Tổng cục Thống kê).

Chú thích: Trong một công trường xây dựng cơ bản, có những trường hợp do khó khăn khách quan (như thiếu nguyên vật liệu, thiết bị) mà không hoàn thành kế hoạch đầu tư, làm ảnh hưởng tới thời gian bàn giao, mà không kịp thời thay đổi kế hoạch, thì giải quyết theo như điểm 5 phần II trong thông tư số 71-TTg ngày 22-7-1964 của Thủ tướng Chính phủ.

C. Đối với các nông trường quốc doanh.

1. Chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng.

Khi xét duyệt chỉ tiêu này phải chú ý đến việc hoàn thành kế hoạch giá trị sản lượng các loại sản phẩm chính về trồng trọt và chăn nuôi.

Nếu giá trị sản lượng những sản phẩm chính không hoàn thành kế hoạch, thì mặc dù giá trị tổng sản lượng có hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức kế hoạch; cũng không được công nhận hoàn thành chỉ tiêu này.

2. Chỉ tiêu diện tích; năng suất, sản lượng.

Trong sản xuất nông nghiệp các mặt diện tích, năng suất, sản lượng có quan hệ với nhau. Vì vậy khi xét duyệt chỉ tiêu này phải xét đầy đủ các mặt trên. Riêng về diện tích cây lâu năm, nhất là những cây chủ yếu quy định trong kế hoạch, phải hoàn thành về diện tích trồng, đồng thời phải đảm bảo đúng chất lượng kỹ thuật; nếu chỉ hoàn thành kế hoạch về diện tích; nhưng cây trồng không đúng kỹ thuật, hư hỏng quá mức quy định, thì coi như không hoàn thành về diện tích.

Tuy vậy sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc thời tiết. Nếu gặp trường hợp bị thiên tai, diện tích không bảo đảm đạt kế hoạch thì khi xét duyệt phải chú ý đến kết quả cuối cùng của sản xuất nông nghiệp là năng suất và sản lượng. Cụ thể trong trường hợp này là: nếu diện tích gieo trồng (cả cây lâu năm và cây hàng năm) không hoàn thành kế hoạch nhưng do chăm sóc thực hiện các biện pháp thâm canh tốt, nên năng suất bình quân và sản lượng thu hoạch nói chung; và riêng từng loại cây chủ yếu vẫn đảm bảo hoàn thành kế hoạch, thì có thể được xét duyệt chỉ tiêu này hoàn thành kế hoạch.

3. Chỉ tiêu về số lượng gia súc, sản lượng và chất lượng chăn nuôi.

Khi xét duyệt chỉ tiêu này phải chú ý đến số lượng đàn súc vật chủ yếu ghi trong kế hoạch của nông trường. Khi xét về số lượng đàn gia súc; đồng thời phải chú ý đến mặt chất lượng

như chăm sóc, tỷ lệ đẻ và tỷ lệ nuôi sống của đàn súc vật đó. Nói chung khi cả về số lượng gia súc và sản lượng chăn nuôi đều thực hiện đúng như kế hoạch quy định mới coi là hoàn thành.

Tuy vậy có trường hợp số lượng đàn súc vật nói chung chưa đạt kế hoạch, nhưng đàn súc vật chủ yếu đã hoàn thành và chất lượng tốt (chăm sóc tốt, tỷ lệ đẻ và tỷ lệ nuôi sống các loại súc vật cao) làm cho sản lượng sản phẩm chăn nuôi hoàn thành kế hoạch, thì cũng có thể được công nhận là hoàn thành kế hoạch.

Ngược lại sản lượng sản phẩm các loại chủ yếu không hoàn thành kế hoạch, thì mặc dù số lượng đàn súc vật có vượt kế hoạch cũng không được công nhận là hoàn thành chỉ tiêu này.

4. Chỉ tiêu sản phẩm trồng trọt và sản phẩm chăn nuôi nộp cho Nhà nước.

Sản phẩm nộp cho Nhà nước bao gồm phần giao cho mậu dịch hay xí nghiệp chế biến, và số lượng sản phẩm Nhà nước quy định cho nông trường để lại cung cấp cho cán bộ, công nhân viên theo tiêu chuẩn chung.

Nói chung những sản phẩm giao nộp (nhất là những sản phẩm chủ yếu) phải hoàn thành kế hoạch, thì mới được xét duyệt là hoàn thành toàn bộ chỉ tiêu này.

Trường hợp do khó khăn khách quan có một số ít sản phẩm chủ yếu không hoàn thành kế hoạch, nhưng nông trường lại khắc phục khó khăn tăng thêm sản phẩm khác giao nộp ngoài kế hoạch được cấp trên đồng ý, cũng có thể được công nhận là hoàn thành chỉ tiêu này. Nếu không, thì giải quyết theo như điểm 5, phần II trong thông tư số 71-TTg ngày 22-7-1964 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Chỉ tiêu về xây dựng cơ bản.

Chỉ tiêu này chủ yếu xét về diện tích trồng mới cây lâu năm và các công trình chủ yếu phục vụ sản xuất của nông trường. Nếu hai phần này hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức kế hoạch, mà diện tích khai hoang mới đạt xấp xỉ kế hoạch được cơ quan xét duyệt đồng ý, cũng có thể được công nhận hoàn thành chỉ tiêu này.

6. Chỉ tiêu năng suất lao động (hoặc ngày công lao động).

Chỉ xét duyệt một trong hai chỉ tiêu nói trên, tùy theo kế hoạch của từng nông trường.

Nơi nào tính theo ngày công lao động chỉ tính phần lao động thường xuyên trực tiếp sản xuất và tính chung ngày công lao động trồng trọt và chăn nuôi.

Năng suất lao động một công nhân viên chỉ tính cho một công nhân viên sản xuất (kể cả

chế biến nông sản) không tính những người phục vụ như cấp dưỡng, giữ trẻ, phục vụ nhà ăn, nhà ở công cộng, giáo viên văn hóa, cán bộ Đảng, đoàn thể chuyên trách...

D. Đối với lâm trường trồng rừng.

1. Diện tích rừng đã trồng với chất lượng bảo đảm.

Chỉ tiêu này phải hoàn thành cả về diện tích và số lượng từng loại cây trồng do kế hoạch quy định. Mặt khác cây đã trồng phải bảo đảm đúng quy định kỹ thuật, đạt tỷ lệ cây sống và sinh trưởng theo quy định trong kế hoạch cho từng loại (như đối cây trồng có bầu, cây trồng rễ trần, cây trồng bằng hạt gieo thẳng...)

Trường hợp kế hoạch chưa quy định được tỷ lệ cây sống và sinh trưởng thì cơ quan xét duyệt kế hoạch căn cứ tình hình thực tế để nhận xét và quyết định.

2. Diện tích trồng rừng loại cây chủ yếu đúng kỹ thuật.

Chỉ tiêu này yêu cầu phải hoàn thành cả về diện tích và đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật trồng. Nếu một lâm trường có nhiều loại cây chủ yếu, không hoàn thành kế hoạch về diện tích hoặc đã hoàn thành về diện tích trồng nhưng không đảm bảo đúng kỹ thuật, thì không được xét duyệt, công nhận là hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu này.

Các loại cây chủ yếu do Tổng cục Lâm nghiệp quy định (đối các lâm trường trực thuộc Tổng cục quản lý) Sở, Ty Lâm nghiệp quy định (đối các lâm trường thuộc Sở, Ty quản lý).

Quy trình kỹ thuật các loại cây chủ yếu phải căn cứ vào sự kiểm tra xác nhận của cơ quan kỹ thuật của lâm trường đúng thủ tục đã quy định.

3. Năng suất lao động một công nhân viên.

Tính năng suất lao động bằng giá trị. Trong tình hình thực tế hiện nay của lâm trường có khó khăn, thì được tính theo số ngày công trên đơn vị diện tích trồng rừng. Các năm sau phải tạo điều kiện để tính theo giá trị.

Chỉ tính năng suất lao động một công nhân viên trồng rừng (kể cả gián tiếp và trực tiếp) không tính nhân viên ngoài trồng rừng (như chăn nuôi, chế biến phụ), và nhân viên phục vụ khác như cấp dưỡng, giữ trẻ...

E. Đối với các công ty vận tải ô-tô, đường thủy và đường sắt.

1. Chỉ tiêu khối lượng vận chuyển và khối lượng luân chuyển an toàn hàng hóa và hành khách.

Vận chuyển và luân chuyển hàng hóa, hành khách an toàn là không để xảy ra tai nạn làm

hư hỏng, mất mát hàng hóa, hoặc chết người. Nếu xảy ra tai nạn như trên thì không được công nhận hoàn thành kế hoạch, mặc dầu về khối lượng vận chuyển và luân chuyển có hoàn thành kế hoạch, hoặc hoàn thành vượt mức kế hoạch.

2. Chỉ tiêu khối lượng vận chuyển và luân chuyển an toàn những mặt hàng chủ yếu.

Chỉ tiêu này phải tính từng mặt hàng cụ thể. Khi tất cả các mặt hàng đều hoàn thành kế hoạch mới được coi là hoàn thành chỉ tiêu này.

Trường hợp mặt hàng chủ yếu không có đủ để vận chuyển theo mức kế hoạch đã định, nếu được cơ quan chủ hàng xác nhận thì vẫn được xét duyệt là hoàn thành chỉ tiêu này (mặt hàng vận chuyển chủ yếu do Bộ chủ quản và Sở, Ty chủ quản quy định cho các đơn vị cơ sở).

3. Chỉ tiêu năng suất lao động.

Chỉ tính cho một công nhân viên công tác vận doanh và tính theo tấn/cây số (và người/cây số) như trong chế độ đã quy định (quyết định số 80-TKVT ngày 14-2-1963 của liên Bộ Giao thông vận tải và Tổng cục Thống kê ban hành).

4. Chỉ tiêu giá thành toàn bộ về vận tải.

Chỉ tiêu này phân tích và đánh giá đủ ba mặt sau :

- Thực hiện kế hoạch giá thành đơn vị trên 1000 tấn/cây số tính đời;
- Thực hiện kế hoạch hạ giá thành;
- Số tiền tuyệt đối đã tiết kiệm được so với kế hoạch.

5. Nộp tích lũy và các khoản phải nộp khác.

Bao gồm đủ các khoản lợi nhuận, nộp thuế và nộp khấu hao cơ bản. Phương pháp tính toán như đã quy định ở điều 2 phần I của thông tư này.

F. Đối với các công ty, cửa hàng thương nghiệp.

1. Chỉ tiêu lờng doanh số mua vào bán ra.

Cả hai phần mua vào và bán ra đều hoàn thành kế hoạch mới coi là hoàn thành chỉ tiêu này.

2. Số lượng (hoặc trọng lượng) mua vào; bán ra những mặt hàng chủ yếu.

Do tính chất và đặc điểm của chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa nên chỉ tiêu số lượng (hoặc trọng lượng) mua vào bán ra những mặt hàng chủ yếu (nhất là những mặt hàng cần quản lý chặt chẽ) phải được Bộ chủ quản cùng

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước quy định loại nào vượt kế hoạch, loại nào không được vượt kế hoạch.

Trường hợp chưa quy định, thì đơn vị cơ sở phải báo cáo và yêu cầu Bộ chủ quản, hoặc Ủy ban Kế hoạch địa phương quy định cho rõ ràng trước khi xét duyệt từng năm. Riêng trong năm 1964 nếu Bộ chủ quản hoặc Ủy ban Kế hoạch địa phương chưa kịp quy định thì các cơ quan xét duyệt kế hoạch tạm thời nghiên cứu quyết định.

Danh mục những mặt hàng chủ yếu theo như danh mục do liên Bộ Nội thương và Tổng cục Thống kê quy định hiện hành. Đối các đơn vị cơ sở thương nghiệp khác (ngoài hệ thống Bộ Nội thương) do Bộ chủ quản và Sở, Ty Thương nghiệp quy định.

3. Chỉ tiêu phí lưu thông.

Khi xét duyệt phải xét trên các mặt sau :

- Tỷ lệ phí lưu thông thực hiện so với doanh số;
- Tổng phí tồn lưu thông đã thực hiện được (nhất là những bộ phận chiếm tỷ trọng lớn trong tổng phí tồn lưu thông);
- Tỷ lệ hạ phí lưu thông so với kế hoạch;
- Số tiền đã tiết kiệm được do hạ phí lưu thông (trong điều kiện hiện nay việc phân bổ phí lưu thông từng nhóm hàng, mặt hàng còn khó khăn, nên tạm thời chưa tính toán xét duyệt chỉ tiêu này).

Khi xét duyệt, nếu một trong bốn mặt đã nêu trên không hoàn thành, thì chỉ tiêu này coi như chưa hoàn thành.

Trường hợp có những yếu tố khách quan làm tăng hoặc giảm phí lưu thông hàng hóa, khi xét duyệt được loại trừ các yếu tố đó.

Chú thích: Đối với một công ty thương nghiệp có hệ thống bán buôn, bán lẻ riêng, khi tính toán phí lưu thông và doanh số, đều phải tính từng phần bán buôn riêng, phần bán lẻ riêng.

4. Chỉ tiêu năng suất lao động một công nhân viên.

Chỉ tính năng suất lao động một công nhân viên trong kinh doanh thương nghiệp, không tính nhân viên ngoài thương nghiệp và các nhân viên phục vụ khác như cấp dưỡng, giữ trẻ...

5. Chỉ tiêu vòng quay vốn lưu động.

Trong thực tế, hiện nay nhiều đơn vị kinh doanh thương nghiệp chưa có kế hoạch bằng văn bản về chỉ tiêu này, đơn vị cơ sở phải yêu cầu cơ quan giao kế hoạch xác định và chính thức giao kế hoạch.

Trường hợp trong năm 1964 cơ quan giao kế hoạch chưa chuẩn bị kịp, thì có thể tạm thời không xét duyệt chỉ tiêu này.

IV, TỔ CHỨC VIỆC XÉT DUYỆT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH

a) Đối với xí nghiệp, công trường quan trọng (theo điểm a điều 1, quyết định số 112-CP)

Đối các đơn vị này thì trong điểm 3 phần III thông tư số 71-TTg ngày 22-7-1964 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định rõ.

Vì vậy các đơn vị trên, khi sắp hoàn thành kế hoạch thì báo cho Tổng cục Thống kê và Bộ chủ quản biết. Tổng cục Thống kê sẽ cùng Bộ chủ quản, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Văn phòng Phủ Thủ tướng và Bộ Tài chính xác minh tình hình, thống nhất ý kiến và Tổng cục Thống kê sẽ làm báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ xét duyệt, công nhận.

b) Đối với các đơn vị cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc Bộ và các cơ quan chủ quản ở trung ương quản lý (theo điểm b điều 1 quyết định số 112-CP).

Đối các đơn vị này, thì trong điều 2 quyết định số 112-CP và điểm 4 phần III thông tư số 71-TTg đã quy định rõ.

Đề thi hành nhiệm vụ trên, Tổng cục Thống kê đề nghị cụ thể với các Bộ (các ngành ở trung ương) như sau :

Ở các Bộ (và các ngành ở trung ương) thì tổ chức thống kê của Bộ là cơ quan chịu trách nhiệm chính để giúp thủ trưởng xét duyệt việc hoàn thành kế hoạch.

Các đơn vị cơ sở, khi sắp hoàn thành kế hoạch báo cho tổ chức thống kê của Bộ biết. Tổ chức thống kê của Bộ sẽ cùng đại diện Vụ Kế hoạch, Vụ Tài vụ (và đại diện Cục Quản lý nếu có) kiểm tra ngay số liệu và tình hình. Sau đó tổ chức thống kê của Bộ sẽ làm báo cáo trình ông Bộ trưởng (hoặc thủ trưởng) để xét duyệt.

Khi ông Bộ trưởng (hoặc thủ trưởng) đã có ý kiến xét duyệt, yêu cầu gửi ngay cho ông Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê để tham gia ý kiến. Sau khi đã nhất trí, ông Bộ trưởng (hoặc thủ trưởng) sẽ công bố cho các đơn vị cơ sở.

c) Đối các đơn vị cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương quản lý, (theo điểm c điều 1 quyết định 112-CP),

Chi cục Thống kê tỉnh, thành phố là cơ quan chịu trách nhiệm chính giúp Ủy ban hành chính xét duyệt hoàn thành kế hoạch.

Các đơn vị trên, mỗi khi sắp hoàn thành kế hoạch phải báo cho cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp và Chi cục Thống kê biết.

Chi cục Thống kê sẽ cùng đại diện cơ quan kế hoạch, cơ quan chủ quản và đại diện cơ quan tài chính kiểm tra tình hình và số liệu, lập biên bản. Chi cục Thống kê sẽ làm báo cáo trình Ủy ban hành chính xét duyệt, công nhận và công bố.

V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC CÓ LIÊN QUAN

1. Đề cơ quan thống kê các ngành, các cấp có đủ tình hình giúp cơ quan lãnh đạo xét duyệt hoàn thành kế hoạch được nhanh chóng, yêu cầu các Bộ, các cơ quan ngang Bộ và Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố đôn đốc các đơn vị cơ sở sản xuất, kinh doanh trực thuộc mình quản lý chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo thống kê đã quy định.

2. Đối các kế hoạch tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng của các đơn vị cơ sở, không áp dụng chế độ xét duyệt, công nhận và công bố hoàn thành kế hoạch này của Hội đồng Chính phủ. Đề đảm bảo công tác động viên tinh thần thi đua của cán bộ, nhân viên trong đơn vị, mỗi khi đơn vị nào hoàn thành kế hoạch ngắn kỳ đó, thủ trưởng đơn vị có thể dùng hình thức "đưa tin" để các cơ quan báo chí, đài phát thanh có tài liệu tuyên truyền. Trước khi đưa tin phải có sự đồng ý của cơ quan thống kê Bộ (nếu là đơn vị thuộc Bộ và cơ quan trung ương quản lý) và được sự đồng ý của Chi cục Thống kê (nếu là đơn vị thuộc Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố quản lý).

3. Tổng cục Thống kê, các Bộ (hoặc cơ quan chủ quản ở trung ương) và Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố khi ra công bố hoàn thành kế hoạch hàng năm cho các đơn vị, thì đồng gửi cho các cơ quan báo chí, đài phát thanh cùng cấp để kịp thời tuyên truyền; gửi cho hội đồng thi đua cùng cấp để có cơ sở xét tặng thưởng thi đua; gửi cho cơ quan tài chính cùng cấp để quyết định việc trích quỹ xí nghiệp cho các đơn vị cơ sở.

4. Hàng năm, các Bộ (và các cơ quan chủ quản ở trung ương) sẽ báo cho Tổng cục Thống kê biết kết quả và tình hình xét duyệt, công nhận và công bố hoàn thành kế hoạch cho các đơn vị thuộc Bộ quản lý.

Các Chi cục Thống kê sẽ báo cáo lên Tổng cục Thống kê biết kết quả và tình hình xét duyệt; công nhận và công bố hoàn thành kế hoạch các đơn vị do địa phương quản lý đề tổng hợp báo cáo lên Hội đồng Chính phủ, theo như điều 2 quyết định số 112-CP ngày 22-7-1964 của Hội đồng Chính phủ.

5. Các Bộ (và cơ quan ngang Bộ), các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo các nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, thông tư của Thủ tướng Chính phủ và bản hướng dẫn này hướng dẫn các đơn vị, cơ sở thi hành. Nếu thấy điểm nào chưa phù hợp, yêu cầu báo cho Tổng cục Thống kê biết để nghiên cứu bổ sung.

6. Các văn bản quy định trước đây của Tổng cục Thống kê hướng dẫn về việc xét duyệt, công nhận và công bố hoàn thành kế hoạch của các đơn vị cơ sở trái với văn bản của Nhà nước và thông tư này đều bãi bỏ.

Hà-nội, ngày 22 tháng 10 năm 1964

Tổng cục trưởng
Tổng cục Thống kê

ĐẶNG THỊ

PHỤ LỤC

Giải thích các chỉ tiêu xét duyệt hoàn thành kế hoạch đối với các xí nghiệp điện trong lưới và lâm trường khai thác gỗ

(Ban hành kèm theo thông tư số 856-TKTH ngày 22-10-1964 của Tổng cục Thống kê)

a) Đối các xí nghiệp điện trong lưới.

Các xí nghiệp phát điện.

Chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng và giá trị sản lượng thương phẩm tính theo sản lượng điện giao cho Sở cung cấp.

Sản lượng sản phẩm chủ yếu là sản lượng điện, hơi phát ra để bán.

Năng suất lao động, giá thành toàn bộ, nộp tích lũy và các khoản phải nộp khác thống nhất như nội dung đã giải thích chung trong thông tư nói trên.

Đối với xí nghiệp nào không có kế hoạch nộp lợi nhuận, thuế, thì chỉ tính phần nộp khấu hao cơ bản.

Các Sở cung cấp điện.

Giá trị tổng sản lượng và giá trị sản lượng thương phẩm, là giá trị sản lượng thương phẩm toàn bộ.

Sản lượng sản phẩm chủ yếu là sản lượng điện thương phẩm.

Năng suất lao động, nộp tích lũy thống nhất như giải thích chung.

Giá thành toàn bộ là giá thành chuyển tải tính trên ba mặt: tỷ lệ hạ giá thành chuyển tải, giá thành chuyển tải cho đơn vị sản phẩm, và mức tiết kiệm tuyệt đối về giá thành chuyển tải.

Chú thích: Khi xét duyệt các xí nghiệp điện trong lưới, lấy kế hoạch chính thức bằng văn bản của Cục Quản lý giao cho xí nghiệp đã được Bộ thông qua.

b) Đối với các lâm trường khai thác gỗ.

Giá trị tổng sản lượng và giá trị sản lượng thương phẩm, khi xét duyệt kế hoạch cần chú ý những điểm sau:

Giá trị tổng sản lượng hoàn thành kế hoạch; nhưng phải bảo đảm đúng quy trình kỹ thuật khai thác, đúng nội quy, thể lệ, chính sách khai thác và làm tốt công tác dọn rừng sau khi khai thác.

Nếu giá trị tổng sản lượng hoàn thành kế hoạch nhưng khai thác không đúng quy trình kỹ thuật và các mặt trên; làm hại rừng, cũng không được xét duyệt hoàn thành kế hoạch.

Giá trị sản lượng thương phẩm chi tính ba loại gỗ là: gỗ tròn, gỗ công nghiệp và gỗ xẻ.

Trường hợp giá trị sản lượng thương phẩm đã hoàn thành kế hoạch; nhưng về giá trị tổng sản lượng không hoàn thành kế hoạch, mà xét thực tế do khó khăn khách quan vì khai thác rừng thiên nhiên chưa có điều kiện đo đếm cây trước khi khai thác, thì cũng có thể được xét duyệt và công nhận hoàn thành chỉ tiêu này.

Ngược lại, giá trị tổng sản lượng dù hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức, nhưng giá trị sản lượng thương phẩm không hoàn thành; thì toàn bộ chỉ tiêu này coi như chưa hoàn thành.

Sản lượng sản phẩm chủ yếu giá thành nộp tích lũy và các khoản phải nộp khác thống nhất như giải thích chung trong thông tư trên.

Về năng suất lao động khi tính toán phải chú ý tách phần giá trị khai thác gỗ của sơn tràng ra.

Chú thích: Đối với một lâm trường có kiêm cả hoạt động lâm nghiệp (như trồng mới, cải tạo rừng, tu bổ ngoài khai thác và chăm sóc rừng) thì phải xét thêm các mặt đó, nếu các mặt đều thực hiện tốt mới được xét duyệt là một lâm trường hoàn thành kế hoạch.

Hà-nội, ngày 22 tháng 10 năm 1964,

Tổng cục trưởng
Tổng cục Thống kê

ĐẶNG THỊ